



shàn zi

扇子

Noun · fan

Example Sentences

zhè shì yī bǎ shàn zi
这是一把扇子。

This is a fan.

xià tiān hěn rè wǒ yòng shàn zi shān fēng
夏天很热，我用扇子扇风。

It's very hot in summer, so I use a fan to cool myself.

nǐ shì fǒu kǎo lǜ guò zhè bǎ shàn zi kě néng jù yǒu shōu cáng jià zhí
你是否考虑过，这把扇子可能具有收藏价值？

Have you ever considered that this fan might have collectible value?

Trace each character, then write the word on your own.

扇	扇	扇	扇	扇	扇	扇	扇	扇	扇	扇
扇	扇									
子	子	子	子	子	子					